TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THÁP MƯỜI** **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 34/2025/DS-ST.
Ngày: 11-4-2025.
V/v Tranh chấp dân sự hợp đồng dịch vụ bơm tưới

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THÁP MƯỜI, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa: Ông Lê Văn Ngọc.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Tuấn.

Ông Đào Văn Hiến.

- Thư ký phiên tòa: Ông Hồ Tấn Đạt – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tháp Mười, tỉnh Đồng Tháp.

Ngày 11/4/2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tháp Mười xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 1135/2024/TLST-DS, ngày 16 tháng 12 năm 2024 về việc: *"Tranh chấp dân sự - hợp đồng dịch vụ bơm tưới"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 53/2025/QĐXXST-DS ngày 03/3/2025, Quyết định hoãn phiên tòa số 61/2024/QĐST-DS ngày 24/3/2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Lương Văn T, sinh năm 1957.

Địa chỉ: ấp 3, xã ĐBK, huyện TM, tỉnh Đồng Tháp.

- Bị đơn: Anh Mai Văn T1, sinh năm 1985.

Địa chỉ: ấp 4, xã ĐBK, huyện TM, tỉnh Đồng Tháp.

(Nguyên đơn có mặt; bị đơn vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm ông Lương Văn T là nguyên đơn trình bày:

Vào năm 2007 ông Lương Văn T có tham gia làm cổ đông của Trạm bơm ĐBK 3 do ông Phạm Văn Quýt làm trưởng trạm, có 13 thành viên. Đến tháng 02 năm 2011, trạm bơm làm ăn thua lỗ nên họp các thành viên thống nhất giải thể

và quá giá Trạm bơm với số tiền 400.000.000 đồng. Ông Lương Văn T là người đứng ra mua lại Trạm bơm với giá là 400.000.000 đồng và ông T đã trả đủ tiền cho các cổ đông. Vậy từ tháng 02/2011 ông T là Trưởng Trạm bơm ĐBK 3 hoạt động với tư cách cá nhân.

Trong các hộ dân sử dụng nước của Trạm bơm để sản xuất nông nghiệp có anh Mai Văn T1. Từ năm 2020 đến năm 2022, Trạm bơm có bơm nước phục vụ sản xuất nông nghiệp cho anh Mai Văn T1 tổng cộng 3,5 mùa vụ với diện tích 5.000m^2, giá bơm nước là 110.000đồng/1.000m^2/vụ, tổng cộng 3,5 mùa vụ anh Mai Văn T1 còn nợ ông Lương Văn T với số tiền là 1.925.000 đồng. Đến nay anh Mai Văn T1 vẫn không trả tiền bơm nước cho ông Lương Văn T làm cho ông Lương Văn T gặp nhiều khó khăn về tài chính.

Do đó, ông Lương Văn T yêu cầu anh Mai Văn T1 trả cho ông Lương Văn T số tiền sử dụng nước còn nợ với số tiền là 1.925.000 đồng. Nhưng tại phiên tòa hôm nay ông Lương Văn T chỉ yêu cầu lấy 70% của số tiền sử dụng nước mà anh Mai Văn T1 phải trả cho ông Lương Văn T, như vậy ông T chỉ yêu cầu anh T1 trả cho ông T số tiền sử dụng nước còn nợ với số tiền là 70% x 1.925.000 đồng = 1.347.500 đồng, không yêu cầu T1 tiền lãi. Ngoài yêu cầu trên thì ông T không còn yêu cầu nào khác.

Bị đơn là anh Mai Văn T1: đã được tống đạt các văn bản tố tụng của Tòa án và được triệu tập xét xử hợp lệ, biết nội dung yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nhưng không có ý kiến, cũng không phản đối yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, không tham gia hòa giải và không có mặt tại phiên tòa sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Nguyên đơn ông Lương Văn T yêu cầu bị đơn là anh Mai Văn T1 trả tiền bơm nước còn thiếu là 1.347.500 đồng, không yêu cầu T1 tiền lãi. Ngoài ra các đương sự không ai có yêu cầu nào khác nên xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là tranh chấp dân sự - hợp đồng dịch vụ bơm tưới theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thẩm quyền giải quyết: Theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự thì tranh chấp giữa các đương sự thuộc thẩm quyền giải quyết của

Tòa án nhân dân và do bị đơn có địa chỉ ở ấp 4, xã ĐBK, huyện Tháp Mười, tỉnh Đồng Tháp nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tháp Mười theo quy định tại Điều 35, Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về sự có mặt của đương sự tại phiên tòa: Anh Mai Văn T1 đã được triệu tập xét xử hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa. Do đó, Tòa án vẫn T hành xét xử vắng mặt anh T1 theo quy định tại Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung:

[4] Xét yêu cầu của ông Lương Văn T yêu cầu anh Mai Văn T1 phải có nghĩa vụ trả cho ông Lương Văn T số tiền sử dụng nước còn thiếu là 1.347.500 đồng, không yêu cầu T1 lãi, Hội đồng xét xử xét thấy:

[4.1] Căn cứ vào Quyết định số 17/QĐ –UBND ngày 27 tháng 02 năm 2014 của Ủy ban nhân dân xã ĐBK về việc thành lập tổ kinh tế hợp tác trạm bơm ĐBK 3 (gọi tắt là Trạm bơm) thì Trạm bơm có nhiệm vụ quản lý, theo dõi việc bơm nước tưới tiêu phục vụ sản xuất nông nghiệp cho toàn bộ diện tích đất trong khu vực trạm bơm ĐBK 3, trong đó có diện tích đất nông nghiệp của anh Mai Văn T1. Từ năm 2020 đến năm 2022, Trạm bơm có bơm nước phục vụ sản xuất nông nghiệp cho việc sản xuất của anh Mai Văn T1 tổng cộng 3,5 mùa vụ, với diện tích 5.000m^2, giá bơm nước là 110.000đồng/1.000m^2/vụ, tổng cộng 3,5 mùa vụ anh Mai Văn T1 còn nợ ông Lương Văn T với số tiền là 1.925.000 đồng và đến nay anh Mai Văn T1 vẫn chưa trả tiền sử dụng nước cho ông Lương Văn T là có thật.

Theo đơn khởi kiện ông T yêu cầu anh T1 phải trả cho ông T số tiền sử dụng nước còn thiếu là 1.347.500 đồng. Nhưng tại phiên tòa hôm nay, ông Lương Văn T chỉ yêu cầu anh Mai Văn T1 trả cho ông T 70% của tổng số tiền sử dụng nước mà anh T1 còn nợ ông T với số tiền là 1.347.500 đồng, đây là sự tự nguyện của ông T không trái đạo đức xã hội, phù hợp với quy định pháp luật nên chấp nhận.

[4.2] Trong quá trình tố tụng, Tòa án đã T hành tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng và thông báo kết quả chứng cứ mà nguyên đơn đã cung cấp nhưng anh Mai Văn T1 vẫn không đến Tòa án để giải quyết vụ án, đồng thời anh Mai Văn T1 cũng không có ý kiến phản bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và những tình tiết, tài liệu, chứng cứ mà nguyên đơn cung cấp. Căn cứ vào khoản 1, 2 và 4 Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự có thể khẳng định chứng cứ mà nguyên đơn cung cấp là hợp lệ.

[4.3] Từ những phân tích nêu trên, việc anh Mai Văn T1 còn nợ tiền sử dụng nước của ông Lương Văn T với số tiền là 1.347.500 đồng là có thật và phù hợp với các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Do đó buộc anh Mai Văn T1 phải có trách nhiệm trả cho ông Lương Văn T số tiền sử dụng nước còn thiếu 1.347.500 đồng là phù hợp theo Điều 513, Điều 518 Bộ luật dân sự.

[5] Về án phí: Căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng, án phí, lệ phí Tòa án thì anh Mai Văn T1 phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

[6] Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; Điều 35; Điều 39; Điều 147, Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ Điều 357, Điều 385, Điều 468, Điều 513, Điều 518 Bộ luật dân sự.

Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu của ông Lương Văn T.

- Buộc anh Mai Văn T1 phải có nghĩa vụ trả cho ông Lương Văn T số tiền sử dụng nước còn nợ là 1.347.500 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

- Về án phí: Anh Mai Văn T1 phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết theo quy định.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án

dân sự và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKS HTM;
- Toà án Tỉnh;
- Lưu: HSVA (Đ).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(ĐÃ KÝ)

Lê Văn Ngọc